

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/DS-ST

Ngày 30/9/2022.

*“V/v tranh chấp chia di sản thừa kế
quyền sử dụng đất theo pháp luật”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Chánh

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 9 và 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021, về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-DS ngày 08/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2022/QĐST-DS ngày 29/7/2022 và Thông báo (về việc mở phiên tòa xét xử) số 173/TB-TA ngày 08/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Ngọc E**, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Thuận H, huyện Long Mỹ, Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1999, theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2022 (Có mặt).

Địa chỉ ấp Mỹ P, xã Mỹ B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ôn Huỳnh Văn C: Ông **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1991. Theo văn bản ủy quyền ngày 17/02/2021 (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1958 (Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1991 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp VK, xã VQ, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc E trình bày như sau:

Cha bà là ông Huỳnh Văn L (sinh năm 1932, chết năm 1997, mẹ bà là Lê Thị C (sinh năm 1934, chết năm 1991), cha mẹ bà tự nguyện sống chung với nhau có 03 người con là Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Văn C và Huỳnh Thị Ngọc E. Ngoài ra cha mẹ không có con riêng hay con nuôi nào khác. Lúc còn sống cha mẹ có tạo dựng được một miếng đất thổ cư có diện tích theo đo đạc thực tế 3.222,4 m², thuộc thửa 195, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp Vĩnh Kiên, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đất hiện nay do ông C đang quản lý sử dụng. Nay do bà và ông C không thể thỏa thuận phân chia thửa đất 195 mà cha, mẹ bà chết để lại nên bà làm đơn nay để yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho bà như sau:

- Chia thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 3.222.4m², bà chỉ yêu cầu nhận phần diện tích đất 997,3 m², thuộc thửa 195 tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Kiên, Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng do ông Huỳnh Văn L đứng tên.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc E và cho rằng trong trường hợp được chia phần diện tích đất theo đo đạc thực tế thì đồng ý trả giá trị phần cây trồng trên phần đất khi được chia để được quản lý sử dụng phần cây do ông C trồng trên phần đất bà E yêu cầu nhận.

Theo lời trình bày của đại diện ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn B trình bày tại tờ tường trình ngày 17/02/2021 và tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên là trước đây ông nội tôi Huỳnh Văn L có cho cô ruột tôi là Huỳnh Thị Ngọc E là 02 công ruộng mà cô tôi không lấy mà cô tôi lấy con trâu, nên ông nội tôi để lại đất đai nhà cửa hết cho cha tôi ông Huỳnh Văn C. Lúc ông nội tôi còn sống thì phần đất ông nội tôi cho cha tôi, cha tôi đã sang một phần, phần thì cho các con. Hiện tại chỉ còn cái nền nhà để thờ cúng ông bà mà thôi nhưng cô tôi về đòi phần đất này với ba tôi và thưa ra Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện bị đơn ông B trình bày: nguồn gốc phần đất này là của ông nội tôi để lại, ông nội tôi có 3 người con họ tên như bà E trình bày là đúng, khi ông nội tôi chết thì không để lại di chúc nhưng trước đây ông nội còn sống đã chia phần cho bà Đ và bà E rồi. Cụ thể phần của bà E thì lúc trước ông nội cho 02 công đất thì bà E không lấy mà lấy con trâu xem như đã được chia phần rồi. Phần đất còn lại là của ông nội để lại cho cha ông, bằng khoán gốc thì cha ông đang giữ. Nay bà E yêu cầu chia thừa kế phần đất này nữa ông đại diện cho cha ông là ông Huỳnh Văn C chỉ đồng ý chia cho bà Huỳnh Thị Ngọc E ½ diện tích đất mà bà E yêu cầu nhận theo đo đạc thực tế là 4.986,5m².

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C trình bày tại biên bản lấy khai ngày 18/11/2021:

Cha mẹ sống chung có 03 người con như bà E nêu trong đơn khởi kiện là đúng. Khi cha mẹ còn sống có chia đất đai cho 03 người con: tôi 01 phần diện tích ngang 14 tầm, dài khoảng 21 tầm hiện nay tôi quản lý sử dụng và có bằng khoán rồi, bà E 01 phần, ông C 01 phần, phần của bà E là hiện bà E đang yêu cầu khởi kiện để được nhận đất. Khi cha mẹ chết không có lập di chúc phân chia tài sản mà có phô tô bằng khoán cho mỗi đứa giữ 01 bản để làm bằng vì ba tôi sợ sau này ba tôi chết ông C nói ngược. Bà E được cha mẹ cho 02 công ruộng nhưng ông C lấy lại rồi vì ông C có cho người ta rồi lấy luôn, cho 02 công vườn nhưng trừ mã mồ ra còn hơn 01 công, cho đất không có làm giấy tờ, khi cho đất thì mỗi đứa một phần thì đất đều có cái mương tính từ mí mương là chia cho mỗi đứa. Phần đất ba tôi hiện còn đứng tên nhưng bên ông C đang giữ. Lý do bà E yêu cầu khởi kiện là vì phần đó là của bà E, do bà E có chồng chưa có sử dụng nay muốn sử dụng thì bên ông C và con ngăn cản nên tranh chấp. Phần này là của cha mẹ cho bà E thì bà E lấy lại. Tôi không có yêu cầu chia thừa kế phần của tôi cũng không yêu cầu gì vì tôi đã có phần rồi.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật

- Về quan điểm giải quyết vụ án: cha mẹ bà Huỳnh Thị Ngọc E là cụ Huỳnh Văn L chết năm 1997, mẹ bà là Lê Thị Chi chết năm 1991, sinh thời cụ L và cụ C sống chung với nhau có 03 người con là bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Thị Ngọc E. Ngoài ra, không có con riêng hay con nuôi nào khác. Lúc còn sống cụ L, cụ C có tạo dựng được phần đất thuộc thửa 195, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp Vĩnh Kiên, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đất hiện nay do ông C quản lý sử dụng. Khi ông L, bà Chi chết không để lại di chúc phân chia di sản cho ai nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất của ông Huỳnh Văn L đứng tên mà khi chết để lại là có căn cứ nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 651, 660 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với phần cây trồng trên đất giao cho nguyên đơn quản lý sử dụng và nguyên đơn có trách nhiệm trả giá trị phần cây trồng trên đất cho ông Huỳnh Văn C với số tiền là 6.946.000 đồng. Phần bà Đ không yêu cầu nhận nên phần diện tích đất còn lại theo đo đạc thực tế chia cho ông Huỳnh Văn C.

Về án phí và chi phí tố tụng: các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc E nhưng có đại diện ủy quyền tham gia. Bị đơn ông Huỳnh Văn C vắng mặt nhưng có ông Huỳnh Văn B là đại diện ủy quyền tham gia phiên tòa. Bà Huỳnh Thị Đ vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà E, bà Đ, ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc E yêu cầu chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất theo pháp luật đối với thửa đất số 195, tờ bản đồ số 01, tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 3.222,4m², đất tọa lạc ấp Vĩnh Kiên, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cho bà và yêu cầu nhận diện tích 997,3 m² và phần cây trồng trên đất, bà đồng ý trả lại giá trị cho ông Huỳnh Văn C với số tiền theo định giá là 6.946.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Sinh thời cụ Huỳnh Văn L, chết năm 1997 và cụ Lê Thị C chết năm 1991 sống chung có 03 người con là bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Thị Ngọc E. Khi còn sống hai cụ có tạo lập được phần đất đai tại thửa 195, diện tích theo đo đạc thực tế là 3.222,4 m², tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Vĩnh Kiên, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, phần đất hiện ông Huỳnh Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất thì do ông Huỳnh Văn C quản lý sử dụng. Khi cụ L và cụ C chết không để lại di chúc để phân chia phần đất này cho ai. Việc này phía đại diện bị đơn là ông Huỳnh Văn B cũng thừa nhận đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, theo đại diện của ông Huỳnh Văn C cho rằng khi ông L chết có để lại phần đất này cho ông C, nay chỉ đồng ý chia cho bà Huỳnh Ngọc Em ½ diện tích đất bà E yêu cầu nhận là 498,65m². Thấy rằng, việc ông B cho rằng ông L khi chết để lại phần đất này nhưng ngoài lời trình bày ra thì không làm giấy tờ chứng minh việc ông L giao phần đất này lại cho ông C và hiện tại theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cũng như ông B thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này hiện tại ông L vẫn còn đứng tên. Như vậy xem như đây là di sản của ông L chết để lại chưa chia. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 609, 610, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự thì việc bà Huỳnh Thị Ngọc E yêu cầu chia thừa kế phần đất của ông L để lại chưa chia là phù hợp, có căn cứ. Lẽ ra trong trường hợp này phần đất của ông L để lại diện tích 3.222,4m², thửa 195 chia đều cho các người con chung của ông Huỳnh Văn L nhưng phía bà Huỳnh Thị Đ không yêu cầu nhận và bà Huỳnh Thị Ngọc E chỉ yêu cầu nhận diện tích đất là 997,3 m² là tự nguyện, phù hợp và có lợi cho ông C nghĩ nên chấp nhận. Do trên phần đất bà E yêu cầu nhận có một số cây do ông C trồng và tại phiên tòa hôm nay phía đại diện ủy quyền của bà E cũng đồng ý trả giá trị phần cây trồng trên đất theo giá mà các bên thống nhất với số tiền là 6.946.000 đồng cho ông C là phù hợp nghĩ nên chấp nhận chia cho bà Huỳnh Thị Ngọc E được nhận phần diện tích đất 997,3m² và giao phần cây trồng trên phần diện tích đất này cho bà E quản lý sử dụng và bà E có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn C số tiền 6.946.000 đồng (giá trị cây trồng trên phần đất được chia). Chia cho ông Huỳnh Văn C được hưởng

phần diện tích đất còn lại là 2.225,1 m², thửa 195, tờ bản đồ 01, tọa lạc ấp Vĩnh Kiên, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Buộc ông Huỳnh Văn C giao nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 451603 cấp cho ông Huỳnh Văn L đối với thửa đất số 195, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Vĩnh Kiên, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với phần đất khác ông Huỳnh Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự không yêu cầu chia nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nghị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Ngọc E phải chịu án phí trên số tiền tương đương với kỷ phần được nhận là: $997,3 \text{ m}^2 \times 150.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.479.750$ (làm tròn số là 7.479.700 đồng) và 347.300 đồng tiền án phí đối với phần nghĩa vụ hoàn trả số tiền 6.946.000 đồng cho ông C; ông Huỳnh Văn C phải chịu án phí trên số tiền tương đương với phần được nhận là: $2.225,1 \text{ m}^2 \times 150.000 \text{ đồng} \times 5\% = 16.688.250$ đồng (làm tròn số là 16.688.000 đồng) theo điểm a khoản 7 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí của bà E được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.460.000 đồng theo biên lai thu số 0007654 ngày 02/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy bà E còn phải nộp 6.367.000 đồng.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá: 6.500.000 đồng. Bà E chịu 3.250.000 đồng, ông C chịu 3.250.000 đồng. Do bà E đã nộp tạm ứng trước số tiền này nên ông C có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà E số tiền 3.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều Điều 609, 610, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc E về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Huỳnh Văn L chết để lại.

Xác định phần thừa đất số 195, diện tích 3.222,4 m², tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Vĩnh Kiên, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng là phần di sản của cụ Huỳnh Văn L để lại chưa chia.

2/ Chia cho bà Huỳnh Thị Ngọc E quản lý, sử dụng một phần thừa đất số 195, tờ bản đồ số 01, diện tích 997,3 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 451603 cấp cho ông Huỳnh Văn L. Trong đó diện tích đất thổ cư là 100 m² và diện tích đất trồng cây lâu năm là 897,3 m². Phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất thừa 195 còn lại, có số đo: 30,43 mét.
- Hướng Tây giáp lộ bê tông có số đo 11,33 mét + 11,12 mét + 4,79 mét.
- Hướng Nam giáp đất ông Dương Văn Bé (thừa 196) có số đo 29,06 mét.
- Hướng Bắc giáp phần đất thừa 195 còn lại có số đo 42,35 mét.

3/ Chia cho ông Huỳnh Văn C quản lý, sử dụng một phần thừa đất số 195, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.225,1 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 451603 cấp cho ông Huỳnh Văn L. Trong đó diện tích đất thổ cư là 200 m² và diện tích đất trồng cây lâu năm là 2.025,1 m². Phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của bà Huỳnh Thị Đ (thừa đất 195) có số đo 21,14 mét và giáp đất ông Nguyễn Hữu Phước có số đo 30,42 mét.

- Hướng Tây giáp lộ bê tông có số đo 7,26 mét + 14,70 mét + 13,42 mét và giáp phần đất phân chia cho bà Huỳnh Thị Ngọc E (thừa đất 195) có số đo 30,43 mét.

- Hướng Nam giáp phần đất phân chia cho bà Huỳnh Thị Ngọc E (thừa đất 195) có số đo 42,35 mét và giáp đất ông Dương Văn Bé (thừa 196) có số đo 15,49 mét + 5,29 mét + 3,88 mét.

- Hướng Bắc giáp phần đất của bà Huỳnh Thị Đ (thừa đất 660) có số đo 51,36 mét và giáp phần đất của bà Huỳnh Thị Đ (thừa đất 195) có số đo 24,13 mét.

(Có sơ đồ kèm theo).

Bà Huỳnh Thị Ngọc E được sử dụng phần cây trồng trên phần đất được chia và buộc bà Ngọc Em trả giá trị phần cây trồng cho ông Huỳnh Văn C với số tiền là 6.946.000 đồng (Sáu triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Buộc ông Huỳnh Văn C giao nộp lại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 451603 cấp cho ông Huỳnh Văn L đối với thửa đất số 195, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Vĩnh Kiên, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày ông Huỳnh Văn C có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Huỳnh Thị Ngọc E còn phải trả lãi cho ông Huỳnh Văn C theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Ngọc E phải chịu án phí là 7.479.700 đồng và 347.300 đồng tiền án phí đối với phần nghĩa vụ hoàn trả số tiền 6.946.000 đồng cho ông C; ông Huỳnh Văn C phải chịu án phí là 16.688.000 đồng theo điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí của bà E được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.460.000 đồng theo biên lai thu số 0007654 ngày 02/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy bà E còn phải nộp 6.367.000 đồng.

5/ Về chi phí thẩm định, định giá: 6.500.000 đồng. Bà E chịu 3.250.000 đồng, ông C chịu 3.250.000 đồng. Do bà E đã nộp tạm ứng trước số tiền này nên ông C có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Ngọc E số tiền 3.250.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh